

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TUẦN 3

MÔN: SINH HỌC 9

Tiết 5: **CHỦ ĐỀ: LAI HAI CẶP TÍNH TRẠNG (tiết 2)**

A/ HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI Ở NHÀ:

Đọc thông tin ở sách giáo khoa “sinh học 9” hoặc trên trang <https://drive.google.com/...>

thực hiện các nhiệm vụ sau:

Nhiệm vụ 1: quan sát hình 5 tìm hiểu :

- Số tổ hợp giao tử (hợp tử) ở F_2 ?
- Số loại giao tử đực và cái?
- Hoàn thành yêu cầu bảng 5 SGK trang 18.
- Phát biểu nội dung của quy luật phân li độc lập trong quá trình phát sinh giao tử?

Nhiệm vụ 2: Dựa vào thông tin s

Tại sao ở các loài sinh sản hữu tính, biến dị lại phong phú?

Nêu ý nghĩa của quy luật phân li độc lập?

B/ NỘI DUNG BÀI HỌC: (HS ghi các nội dung bài học vào vở)

III. MENDẸN GIAI THÍCH KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM.

- Men Đen cho rằng mỗi cặp tính trạng do một cặp nhân tố di truyền (gen) qui định.

- Qui ước:

Gen A qui định hạt vàng

Gen a qui đing hat xanh

Gen B qui định vỏ trơn

Gen b qui định vỏ nhãn

- Xác định kiểu gen của P :

+ P thuần chủng vàng, trơn trội có kiểu gen: AABB

+ P thuần chủng xanh, nhẵn lặn có kiểu gen: aabb

- Sơ đồ lai :

P : AABB (vàng , tròn) X aabb (xanh, nhẵn)

Gp : AB ab

F1 : AaBb (100% vàng , tron)

F1 x F1 : AaBb (vàng, tròn) x AaBb (vàng, tròn)

GF1 : AB, Ab, aB, ab AB, Ab, aB, ab

F2 :

Kiểu gen :

Kiểu hình

1AABB, 2 AaBB, 2 AABb, 4 AaBb

9 vàng tron

1 Aabb , 2 Aabb

3 Vàng , nhẵn

1 aaBB, 2 aaBb

3 xanh, tròn

1 aabb

1 xanh , nhẵn

- Nội dung quy luật phân li độc lập : Các cặp nhân tố di truyền (gen) đã phân li độc lập trong quá trình phát sinh giao tử.

IV. Ý nghĩa của quy luật phân li độc lập

- Quy luật phân li độc lập giải thích được 1 trong những nguyên nhân làm xuất hiện biến dị tổ hợp (đó là sự phân li độc lập và tổ hợp tự do của các cặp gen) làm sinh vật đa dạng và phong phú ở loài giao phối.

- Biến dị tổ hợp là nguồn nguyên liệu quan trọng của chọn giống và tiến hoá.

C/ BÀI TẬP Củng Cố:

Câu 1: Những loại giao tử có thể tạo ra được từ kiểu gen AaBb là:

- a. AB, Ab, aB, ab b. AB, Ab c. Ab, aB, ab d. AB, Ab, aB

Câu 2: Phép lai dưới đây được xem là phép lai phân tích 2 cặp tính trạng là:

- a. P: AaBb × aabb b. P: AABb × Aabb c. P: AaBb × Aabb d. P: AaBb × aaBB

Câu 3: Ở người, bố và mẹ đều có da đen, tóc xoăn sinh đứa con trai đầu lòng có da trắng tóc thẳng. Xác định kiểu gen của bố mẹ và đứa con nói trên.

Biết rằng 2 cặp tt nói trên do 2 cặp gen quy định và dt phân li độc lập với nhau.

Tiết 6.

ÔN TẬP CHƯƠNG I

Học sinh tự chuẩn các nội dung sau vào vở:

A/ LÍ THUYẾT:

Nội dung	Lai một cặp tính trạng	Lai hai cặp tính trạng	Lai phân tích
Khái niệm			
Tỉ lệ kiểu gen F2			
Tỉ lệ kiểu hình F2			
Biến dị tổ hợp (có/không)			

B/ BÀI TẬP:

Câu 1: Viết giao tử của các kiểu gen sau:

a/ AA

b/ aa

c/ Aa

d/ AABB

e/ AABb

g/ AaBB

h/ AaBb

i/ aabb

Câu 2: Xác định kiểu gen và kiểu hình của các phép lai sau:

a/ P: Aa (tóc xoắn) x Aa (tóc xoắn)

b/ P: AaBb (hoa đỏ , quả không ngắn) x aabb (hoa trắng, quả có ngắn)

Câu 3: Khi giao phấn giữa hai cây đậu Hà Lan thuần chủng vỏ hạt trơn với vỏ hạt nhăn, thu được con lai F₁ toàn cây vỏ hạt trơn.

a/ Xác định kiểu gen, kiểu hình của con lai F₁?

b/ Cho cây F₁ lai phân tích thì thu được kiểu hình và kiểu gen như thế nào?

Lưu ý: Học sinh tự giải các yêu cầu trên, nếu khó khăn hoặc không hiểu trong quá trình làm bài thì liên hệ GVBM sinh học của lớp.

CHÚC CÁC EM HỌC TỐT